

Bản án số: 53/2019/HNGĐ -ST
Ngày 29/11/2019.
V/v: *Ly hôn.*

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Hồng Ngân**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Kim Hiền;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019 tại trụ sở TAND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, TAND huyện Phù Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 225/2019/ TLST-HNGĐ ngày 27/9/2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXX-ST ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Triều Thi Ng - Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu 2, xã TG, huyện PN, tỉnh PT.

Hôm nay, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu 2, xã TG, huyện PN, tỉnh PT.

Hôm nay, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Triệu Thị Ng trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào tháng 11/1987 tại UBND xã TG, huyện PC, tỉnh VP(nay là huyện PN, tỉnh PT) tuy nhiên do thời gian đã quá lâu nên hiện bà không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn và tổ chức cưới ông bà về chung sống cùng gia đình nhà chồng đến năm 1989 thì ra ở riêng. Thời điểm đăng ký kết hôn và tổ chức cưới bà đã có thai con đầu lòng được khoảng 5- 6 tháng. Quá trình

chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến năm 1996 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Bà và ông Hạnh cũng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai và không còn quan hệ về mặt tình cảm. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông H.

- **Về con chung:** Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 26/02/1988; Nguyễn Thị H2, sinh ngày 07/01/1990 và Nguyễn Thế H3, sinh ngày 07/02/1992. Hiện cả ba cháu đều đã thành niên và có gia đình riêng nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về công sức:** Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như bà Ng trình bày. Từ năm 2015 sau khi bà Ng đi nước ngoài về thì tình cảm vợ chồng có sự thay đổi, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không quan tâm gì đến nhau nữa. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Ng làm đơn xin ly hôn ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật do vợ chồng ông không còn giữ được giấy chứng nhận kết hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng có ba con chung như bà Ng trình bày. Hiện nay cả ba con đều đã thành niên và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về công sức:** Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Triệu Thị Ng có yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Ng và ông H trình bày thì hai vợ chồng ông bà đăng ký kết hôn, tổ chức cưới vào tháng 11/1987 và về chung sống với nhau từ đó đến nay. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên hiện ông bà không còn giữ được Giấy đăng ký kết hôn của hai vợ chồng để xuất trình cho Tòa án. Trong

quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về việc đăng ký kết hôn của ông bà tại UBND xã TG và được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn trên địa bàn UBND xã TG thì toàn bộ sổ sách đăng ký kết hôn của công dân từ năm 1993 trở về trước không còn lưu giữ, hiện chỉ còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ năm 1994 trở lại đây. Do đó, trường hợp bà Triệu Thị Ng và ông Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1987 hay không UBND xã TG không nắm được. Kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến thời điểm hiện nay cũng không có trường hợp nào có tên là Triệu Thị Ng và Nguyễn Văn H địa chỉ ở Khu 2, xã TG, huyện PN, tỉnh PT đăng ký kết hôn với nhau.

Mặc dù ông bà trình bày có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay không có căn cứ nào để chứng minh về quan hệ hôn nhân này. Như vậy có thể khẳng định bà Triệu Thị Ng và ông Nguyễn Văn H bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/1987 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời điểm ông bà chung sống với nhau khi luật hôn nhân và gia đình năm 1986 đang có hiệu lực thi hành nên theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì “Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định”. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng quy định: “Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không còn nhận họ là vợ chồng”. Như vậy, đến thời điểm hiện nay bà Ng và ông H không chứng minh được việc có đăng ký kết hôn hay không nên căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên có đủ căn cứ để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ng và ông H.

[3] Về con chung: Cả bà Ng và ông H đều xác nhận vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị H1 - sinh ngày 26/02/1988, Nguyễn Thị H2 - sinh ngày 07/01/1990 và Nguyễn Thế H3 - sinh ngày 07/02/1992. Hiện cả ba con chung đều đã thành niên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà đều xác nhận hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Công sức: Trong quá trình giải quyết vụ án cả hai ông bà đều xác nhận là không có nên hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Tại phiên tòa hôm nay đại diện VKS nhân dân huyện Phù Ninh có quan điểm: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào quy định của pháp luật đề nghị HĐXX công không nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Triệu Thị Ng và ông Nguyễn Văn H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và công sức: Không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Ng phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, khoản 1 điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Triệu Thị Ng và ông Nguyễn Văn H.

- **Về con chung:** Không xem xét giải quyết do các con đã thành niên.
- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Triệu Thị Ng và ông Nguyễn Văn H đều xác nhận hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.
- **Về công sức:** Không có.
- **Về án phí:** Bà Triệu Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0002180 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Bà Ng đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn Hạnh vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh, huyện;
- THADS huyện Phù Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã TG;
- Lưu: HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hồng Ngân